



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	414/GP 414/GPDC 414/GPDC1 414/GPDC2 414/GPDC3 414/GPDC4 414/CPH/GP 414/CPH/GCND1-BKH do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	ngày 7 tháng 9 năm 1992 ngày 14 tháng 2 năm 1995 ngày 31 tháng 10 năm 1995 ngày 9 tháng 1 năm 1996 ngày 30 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 9 năm 1997 ngày 7 tháng 10 năm 2005 ngày 25 tháng 10 năm 2006
	414/GPĐC1-BKH-KCN-DN 414/GPĐC2-BKH-KCN-DN 414/GPĐC3-BKH-KCN-DN 414/GCND2/47/2 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp	ngày 16 tháng 5 năm 2003 ngày 23 tháng 6 năm 2003 ngày 7 tháng 5 năm 2004 ngày 6 tháng 9 năm 2007 ngày 11 tháng 7 năm 2008 ngày 18 tháng 12 năm 2008 ngày 30 tháng 8 năm 2010 ngày 29 tháng 11 năm 2011 ngày 13 tháng 5 năm 2013
	Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.	
Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu Ông Chen Chung Kuang Ông Hsu Ching Yao	General Director Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2016) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11 tháng 11 năm 2016)
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Khu Công nghiệp Biên Hòa II Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Trụ sở chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 2 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 2 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-414




Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn ¹ (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		428.876.706.560	477.545.612.971
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	106.553.078.212	143.590.509.089
Tiền	111		26.553.078.212	43.590.509.089
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	100.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	40.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		139.583.961.758	153.114.892.466
Phải thu của khách hàng	131	6	139.382.765.053	151.426.063.555
Trả trước cho người bán	132		248.274.920	2.229.684.900
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.071.999.997	648.222.223
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.119.078.212)	(1.189.078.212)
Hàng tồn kho	140	7	136.563.239.754	160.777.919.590
Hàng tồn kho	141		137.986.097.924	161.626.450.657
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.422.858.170)	(848.531.067)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.176.426.836	20.062.291.826
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	921.000.015	1.168.881.316
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(b)	4.639.574.323	18.671.628.106
Tài sản ngắn hạn khác	155		615.852.498	221.782.404
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		190.601.811.967	189.007.192.555
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh	213	8	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		55.368.768.600	55.205.551.974
Tài sản cố định hữu hình	221	9	55.293.168.600	55.016.551.974
Nguyên giá	222		301.627.632.601	288.327.092.271
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(246.334.464.001)	(233.310.540.297)
Tài sản cố định vô hình	227	10	75.600.000	189.000.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(491.400.000)	(378.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.815.448.752	7.463.686.491
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	8.815.448.752	7.463.686.491

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

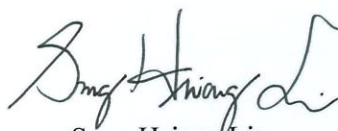
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn khác	260		3.615.947.178	3.536.306.653
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	2.416.222.919	2.450.934.987
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.199.724.259	1.085.371.666
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		619.478.518.527	666.552.805.526
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		222.336.449.907	311.539.693.443
Nợ ngắn hạn	310		222.336.449.907	311.539.693.443
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	51.847.185.596	136.051.259.525
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.588.558.349	2.239.809.501
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	797.331.870	5.156.696.871
Phải trả người lao động	314		5.230.053.750	4.602.247.600
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		771.854.318	712.171.121
Phải trả ngắn hạn khác	319		176.466.024	77.508.825
Vay ngắn hạn	320	16	153.925.000.000	162.700.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		397.142.068.620	355.013.112.083
Vốn chủ sở hữu	410	17	397.142.068.620	355.013.112.083
Vốn cổ phần	411	18	306.899.450.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	415	18	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	37.739.024.524	28.364.116.167
Lợi nhuận chưa phân phối	421		52.776.433.459	47.908.065.279
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.053.742.502	3.200.410.723
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		43.722.690.957	44.707.654.556
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		619.478.518.527	666.552.805.526

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	979.772.521.311	1.079.695.523.313
Giá vốn hàng bán	11	23	888.283.170.956	979.889.949.277
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		91.489.350.355	99.805.574.036
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	9.904.973.940	9.569.809.169
Chi phí tài chính	22	25	9.533.238.126	20.512.732.775
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.272.835.435	4.531.022.192
Chi phí bán hàng	25		17.554.803.661	16.969.982.445
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		19.476.284.636	17.431.320.702
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		54.829.997.872	54.461.347.283
Thu nhập khác	31	26	16.998.028	1.033.400
Chi phí khác	32	27	675.114.191	19.672.518
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(658.116.163)	(18.639.118)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.171.881.709	54.442.708.165
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	10.563.543.345	9.814.394.836
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	29	(114.352.593)	(79.341.227)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		43.722.690.957	44.707.654.556

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Vương Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		54.171.881.709	54.442.708.165
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		13.701.306.917	13.626.463.610
Các khoản dự phòng	03		574.327.103	279.036.179
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.015.391.897	1.152.127.497
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.669.168.886)	(5.743.279.339)
Chi phí lãi vay	06		5.272.835.435	4.531.022.192
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		68.066.574.175	68.288.078.304
Biến động các khoản phải thu	09		28.230.424.108	1.568.988.644
Biến động hàng tồn kho	10		23.640.352.733	(36.700.540.293)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(76.046.747.836)	11.868.036.735
Biến động chi phí trả trước	12		282.593.369	(731.474.014)
			44.173.196.549	44.293.089.376
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.311.425.368)	(4.490.223.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.991.072.946)	(7.530.867.280)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.593.734.420)	(1.157.786.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		22.276.963.815	31.114.211.981
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(15.216.285.804)	(9.710.878.525)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		15.500.000	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	26		(40.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		6.229.891.112	6.051.348.782
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.970.894.692)	(3.659.529.743)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
-------	-------------	-------------	-------------

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ khoản vay ngắn hạn	33	380.114.000.000	390.565.804.750
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(390.457.500.000)	(388.222.304.750)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(10.392.915.943)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.343.500.000)	(8.049.415.943)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(37.037.430.877)	19.405.266.295
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	143.590.509.089	124.185.242.794
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	106.553.078.212	143.590.509.089

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Trụ sở chính có 296 nhân viên (1/1/2016: 290 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được Trụ sở chính lập và không bao gồm các báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) cũng lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông thể hiện theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Trụ sở chính tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Trụ sở chính hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan bao gồm chi nhánh Hải Dương, các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	909.391.000	333.086.000
Tiền gửi ngân hàng	25.643.687.212	43.257.423.089
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	100.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	106.553.078.212	143.590.509.089

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	40.000.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Thời gian đáo hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là dưới 12 tháng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	27.059.037.284	24.026.750.614
Công ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam	26.218.479.533	22.102.830.506
Khách hàng khác	86.105.248.236	105.296.482.435
	139.382.765.053	151.426.063.555

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	39.807.799.274	-	41.724.215.498	-
Nguyên vật liệu	17.791.959.596	-	25.483.697.570	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.334.419.749	(130.314.902)	2.570.003.306	(226.212.489)
Thành phẩm	77.051.919.305	(1.292.543.268)	91.848.534.283	(622.318.578)
	137.986.097.924	(1.422.858.170)	161.626.450.657	(848.531.067)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 21.614 triệu VND (1/1/2016: 17.021 triệu VND) giá trị thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho chi nhánh Hải Dương vào năm 2007 để tài trợ vốn lưu động. Vốn hoạt động kinh doanh này không hưởng lãi và được ghi nhận theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	73.784.396.387	203.855.544.264	4.991.453.929	3.206.477.694	2.489.219.997	288.327.092.271
Tăng trong năm	-	247.909.090	2.731.192.127	166.050.000	-	3.145.151.217
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	10.719.372.326	-	-	-	10.719.372.326
Thanh lý	-	(563.983.213)	-	-	-	(563.983.213)
Số dư cuối năm	73.784.396.387	214.258.842.467	7.722.646.056	3.372.527.694	2.489.219.997	301.627.632.601
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	52.492.300.795	170.655.437.595	4.991.453.929	2.973.617.463	2.197.730.515	233.310.540.297
Khấu hao trong năm	2.544.170.477	10.750.398.713	151.733.200	87.002.127	54.602.400	13.587.906.917
Thanh lý	-	(563.983.213)	-	-	-	(563.983.213)
Số dư cuối năm	55.036.471.272	180.841.853.095	5.143.187.129	3.060.619.590	2.252.332.915	246.334.464.001
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	21.292.095.592	33.200.106.669	-	232.860.231	291.489.482	55.016.551.974
Số dư cuối năm	18.747.925.115	33.416.989.372	2.579.458.927	311.908.104	236.887.082	55.293.168.600

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có số tài sản có nguyên giá 142.750 triệu VND (1/1/2016: 139.249 triệu VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	378.000.000
Khấu hao trong năm	113.400.000
Số dư cuối năm	491.400.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	189.000.000
Số dư cuối năm	75.600.000

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	7.463.686.491	247.765.045
Tăng trong năm	12.071.134.587	8.312.478.944
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.719.372.326)	(1.096.557.498)
Số dư cuối năm	8.815.448.752	7.463.686.491

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công cụ và dụng cụ	686.134.613	998.208.982
Đồng phục	90.000.000	30.000.000
Chi phí bảo hiểm	44.503.795	27.662.234
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	100.361.607	113.010.100
	921.000.015	1.168.881.316

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.538.606.491	912.328.496	2.450.934.987
Tăng trong năm	-	648.818.060	648.818.060
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(626.681.568)	(683.530.128)
	1.481.757.931	934.464.988	2.416.222.919

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên những khoản mục sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản cố định	414.692.154	414.692.154
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	44.151.876	178.361.732
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	213.428.726	127.279.660
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	527.451.503	365.038.120
	1.199.724.259	1.085.371.666

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	40.348.812.756	40.348.812.756	122.175.321.585	122.175.321.585
Các nhà cung cấp khác	11.498.372.840	11.498.372.840	13.875.937.940	13.875.937.940
	51.847.185.596	51.847.185.596	136.051.259.525	136.051.259.525

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd	40.348.812.756	40.348.812.756	122.175.321.585	122.175.321.585

Khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	-	130.294.011.021	(59.372.343.420)	(70.921.667.601)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.692.484.711	10.563.543.345	(14.991.072.946)	-	264.955.110
Thuế thu nhập cá nhân	464.212.160	1.578.220.364	(1.510.055.764)	-	532.376.760
	5.156.696.871	142.435.774.730	(75.873.472.130)	(70.921.667.601)	797.331.870

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18.671.628.106	85.552.858.812	(28.663.244.994)	(70.921.667.601)	4.639.574.323

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2016		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	162.700.000.000	162.700.000.000	380.114.000.000 (390.457.500.000)	153.925.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank Ltd, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 2%	63.798.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	18.228.000.000	6.762.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	11.392.500.000	11.270.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.000.000 USD	SIBOR + 1,5%	-	10.000.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Annping (b)	4.000.000 USD	SIBOR + 1,5%	-	58.604.000.000
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu Hạn Một thành Viên ANZ Việt Nam (b)	5.000.000 USD	Chi phí huy động vốn + 0,5% - được quyết định cho từng giao dịch	-	18.032.000.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng Far East National Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD	USD: SIBOR/Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5% VND: Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5%	50.506.500.000	18.032.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Đồng Nai (b)	65.000.000.000 VND	VND: 4,9% và có thể được điều chỉnh tùy vào từng giao dịch	10.000.000.000	20.000.000.000
			153.925.000.000	162.700.000.000

- a. Các khoản vay này được đảm bảo bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	21.561.619.678	321.856.159.634
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	6.810.506.848	(6.810.506.848)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.157.786.164)	(1.157.786.164)
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(10.392.915.943)	(10.392.915.943)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	44.707.654.556	44.707.654.556
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	47.908.065.279	355.013.112.083
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.374.908.357	(9.374.908.357)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.593.734.420)	(1.593.734.420)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 19)	27.885.680.000	-	-	(27.885.680.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	43.722.690.957	43.722.690.957
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	306.899.450.637	(272.840.000)	37.739.024.524	52.776.433.459	397.142.068.620

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu phát hành trong năm	2.788.568	27.885.680.000	-	-
Số dư cuối năm	30.689.945	306.899.450.637	27.901.377	279.013.770.637

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Cổ tức

Tại ngày 10 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định chia khoản cổ tức 27.885.680.000 VND bằng cách phát hành 2.788.568 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND trên mỗi cổ phiếu cho 2.404 cổ đông hiện hữu (2015: cổ tức trả bằng tiền 27.892 triệu VND (tương đương 1.000 VND một cổ phiếu)).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	3.739.875.881	3.768.296.931
Trong vòng hai đến năm năm	14.372.291.022	18.249.809.655
Sau năm năm	63.992.573.564	69.066.313.192
	82.104.740.467	91.084.419.778

Chi phí thuê hàng năm của Trụ sở chính bao gồm 2 khoản thuê:

- Tiền thuê đất tại tỉnh Đồng Nai có chi phí thuê hàng năm tối thiểu bao gồm thuế giá trị gia tăng là 109.798 USD và phí thuê cơ sở vật chất hàng năm là 25.885 USD trong vòng 50 năm kể từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Tiền thuê đất sẽ tăng tối đa 15% sau mỗi 5 năm.
- Phí thuê văn phòng một năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 680 triệu VND trong vòng 6 năm kể từ ngày 6 tháng 1 năm 2015.

(b) Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	455.913	10.356.134.215	112.134	2.517.391.165
		10.356.134.215		2.517.391.165

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	972.783.261.414	1.071.071.416.718
▪ Bán hàng hóa tồn kho	408.796.697	924.358.895
▪ Bán phế liệu	6.580.463.200	7.699.747.700
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	979.772.521.311	1.079.695.523.313

23. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	887.386.932.916	978.769.248.694
▪ Hàng hoá đã bán	321.910.937	623.033.463
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	574.327.103	497.667.120
	<hr/>	<hr/>
	888.283.170.956	979.889.949.277

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	6.653.668.886	5.743.279.339
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.251.305.054	3.826.529.830
	<hr/>	<hr/>
	9.904.973.940	9.569.809.169

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	5.272.835.435	4.531.022.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.260.402.691	15.981.710.583
	9.533.238.126	20.512.732.775

26. Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	15.500.000	-
Thu nhập khác	1.498.028	1.033.400
	16.998.028	1.033.400

27. Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Các khoản phạt thuế	669.469.577	-
Chi phí khác	5.644.614	19.672.518
	675.114.191	19.672.518

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	807.320.855.700	950.832.223.964
Chi phí nhân công	41.622.252.835	36.751.082.297
Chi phí khấu hao	13.701.306.917	13.626.463.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.702.137.535	29.349.789.408
Chi phí khác	18.505.167.195	16.750.295.592

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2016 VND	2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	9.923.028.427	9.814.394.836
Dự phòng thiếu trong những năm trước	640.514.918	-
	10.563.543.345	9.814.394.836
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(114.352.593)	(79.341.227)
	10.449.190.752	9.735.053.609

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	54.171.881.709	54.442.708.165
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	8.125.782.256	8.166.406.225
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.032.510.085	711.541.014
Ảnh hưởng của thuế suất khác	650.383.493	857.106.370
Dự phòng thiếu trong những năm trước	640.514.918	-
	10.449.190.752	9.735.053.609

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 6 tháng 9 năm 2007, Công ty có được Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh để tăng vốn pháp định. Theo các quy định thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành, các hoạt động kinh doanh mở rộng sẽ được phân loại là mở rộng đầu tư và thu nhập phát sinh từ mở rộng đầu tư này sẽ chịu thuế suất TNDN phổ thông là 20%. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Trụ sở chính có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty liên quan				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd				
Mua nguyên vật liệu	601.116.547.180	572.704.790.530	40.214.953.553	122.063.095.716
Phí bản quyền	1.331.197.260	1.431.355.046	133.859.203	112.225.869
Chi nhánh Hải Dương				
Bán dây và cáp điện	4.135.489.604	10.137.953.721	-	-
Vốn kinh doanh cấp cho chi nhánh	-	-	122.801.647.437	122.801.647.437


Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty liên quan), Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Và theo hợp đồng, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần bán dây điện từ.

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Phân phối cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	27.885.680.000	-

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Đồng Nai